TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé Sáu;

2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Không tham gia.

Vào ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã Tân C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp T, xã Tân C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2019; biên bản hòa giải ngày 29/3/2019 và tại phiên toà bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông D kết hôn với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 1 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông D đã ly thân với nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung do bà nuôi dưỡng.

Nay bà thấy tình cảm giữa bà với ông D không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại tờ tường trình ngày 22/3/2019 ông Nguyễn Thanh D trình bày: Thừa nhận ông và bà T kết hôn với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 1 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông và bà T đã ly thân với nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung do bà T nuôi dưỡng.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Bà T cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015, ông thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh D là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T với ông Nguyễn Thanh D là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông D có sinh được 01 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015, hiện nay đang sống với bà T. Tại phiên toà, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại tờ tường trình ngày 22/3/2019, ông D cũng thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi bà T và ông D ly thân cho đến nay, con chung của bà T với ông D do bà T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, bà T vẫn đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông D không cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

Ông D được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bà T trình bày ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại tờ tường trình ngày 22/3/2019 ông D trình bày: ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T với ông Nguyễn Thanh D.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của bà Trần Thị T với ông Nguyễn Thanh D tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/11/2015, cho bà T nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh D không cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005515 ngày 11/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ